

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 8 – 2019

“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Thủy

Ông Lý Khắc Chung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 642/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị Kim H, sinh năm: 1972;

Bị đơn: Ông Đặng Thanh H1, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Số 321, tổ 8, ấp MC, xã MĐ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Hiện nay bà H đang sinh sống tại ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện Châu Phú).

(Bà H có mặt; ông H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, Bà Quách Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Đặng Thanh H1 kết hôn vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ ngày 07/10/2002.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, khoảng 03 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông H1 bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác và ly thân từ khoảng tháng 08 năm 2018 đến nay.

Nay tình cảm không còn, yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Trường V, sinh ngày 01/09/1997 và Đặng Ngọc Tường V1, sinh ngày 11/04/2003. Cháu V đã thành niên và lao động được. Ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ: Không.

Bị đơn ông Đặng Thanh H1 vắng mặt, không có lời trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng ông H1 được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Quách Thị Kim H và ông Đặng Thanh H1 là hợp pháp và được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, nhưng không hàn gắn được mà nguyên nhân là do ông H1 có người phụ nữ khác. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Từ khi ly thân đến nay sống với bà H. Để giữ sự ổn định, cần tiếp tục giao cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà về không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của bà Quách Thị Kim H và công bố lời khai của bà Trần Thị Múc (mẹ ruột của ông Đặng Thanh H1) Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Quách Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Thanh H1 nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông H1 với tư cách là bị đơn trong vụ án, có nơi cư trú tại xã MĐ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, ông Đặng Thanh H1 vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Quách Thị Kim H cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm mà nguyên nhân là do ông H1 bỏ nhà theo người phụ nữ khác. Vì muốn lo cho con và gia đình, bà cố chịu đựng nhưng không có kết quả và vợ, chồng ly thân từ tháng 8/2018 nên bà mong muốn được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hôn nhân giữa bà H và ông H1 được pháp luật thừa nhận, bởi vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của ông, bà đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã chính thức ly thân từ hơn một năm qua. Tuy nhiên, cả hai người vẫn không có biện pháp hàn gắn mà nguyên nhân là do ông H1 không quan tâm chăm sóc vợ, con và có người phụ nữ khác, cho thấy tình cảm giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cho nên yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Đặng Trường V, sinh ngày 01/09/1997 đã trưởng thành và lao động có thu nhập.

Đối với Đặng Ngọc Tường V1, sinh ngày 11/04/2003, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung do bà H nuôi dưỡng. Để giữ sự ổn định, cần tiếp tục giao cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cháu V1. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà về không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì vậy, trong thời gian nuôi con, nếu có căn cứ cho rằng, bà H không đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có hành vi bạo lực thì ông H1 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H1 đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H khai không nên Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai người phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Quách Thị Kim H được ly hôn với ông Đặng Thanh H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 311, ngày 07/10/2002 của Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà H và ông H1 không còn giá trị pháp lý, kể từ thời điểm bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Về nuôi con chung: Bà Quách Thị Kim H tiếp tục nuôi con tên Đặng Ngọc Tường V1, sinh ngày 11/04/2003 đến khi cháu tròn 18 tuổi và lao động được. Ông H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Không

Về án phí sơ thẩm:

Bà Quách Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0010428 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được thực hiện quyền này, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Văn Hai